

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HSST
Ngày 25-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng;

Bà Nông Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Doãn Khắc Tứ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/ TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520/2018/QĐXXST-HS ngày 10/10/2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC CH sinh năm 1972, tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú: thôn Nà T, xã L, huyện V, tỉnh H; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Đức T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1938; vợ Đỗ Thị N sinh năm 1969; bị cáo có 2 con, con lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn Nà T, xã L, huyện V, tỉnh H. Có mặt.

- Bị hại: Hoàng Thị Đ sinh năm 1967; Nơi cư trú: thôn Nà T, xã L, huyện V, tỉnh H. Có mặt.

- Người làm chứng:

+) Phùng Văn C, Đỗ Thị N, Phạm Thị Th. Có mặt.

+) Hà Văn Th. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 27/4/2018, Nguyễn Đức Ch sinh năm 1972, nơi cư trú: thôn Nà T, xã L, huyện V, tỉnh H nảy sinh ý định trộm cắp 01 con trâu đực, lông màu đen của bà Hoàng Thị Đ (là người hàng xóm của Ch) mục đích trộm cắp trâu để đem bán lấy tiền trả Quỹ tín dụng thị trấn V do Ch vay đã đến thời hạn phải thanh toán nhưng gia đình Ch chưa có tiền. Sau đó Ch một mình đi bộ sang nhà bà Đ quan sát xung quanh thấy nhà bà Đ đã đi ngủ, Ch đến chuồng trâu dùng tay phải tháo thanh chốt ngang cửa chuồng trâu đi vào tháo dây thừng

buộc trâu ở trên cột và dắt trâu ra khỏi chuồng. Ch dắt trâu đi đến km 27 đường Hà Giang – Tuyên Quang thuộc tổ 06, thị trấn nông trường Việt Lâm, huyện V để tìm người bán trâu. Do chưa tìm được người mua nên Ch dắt trâu vào nhà bà Phạm Thị T (là chị dâu của Ch), ở tổ 12, thị trấn nông trường V, huyện V để gửi. Thấy Ch dắt trâu đến bà Th có hỏi về nguồn gốc con trâu thì Ch nói dối là do đổi chiếc xe mô tô của Ch lấy con trâu, nghe Ch nói chuyện bà Th có gọi điện cho Đỗ Thị N (là vợ của Ch, đang làm thuê ở Hà Nội) hỏi về việc Ch đổi xe mô tô lấy trâu, nghe bà Th nói xong N gọi điện thoại cho Ch hỏi thì Ch trả lời là con trâu Ch trộm cắp của nhà bà Đ. N khuyên Ch mang ngay trâu về trả cho bà Đ, nghe lời khuyên của N, Ch dắt trâu quay về để trả cho bà Đ, đang trên đường dắt trâu về đến đoạn đường thuộc thôn Đội 5, xã Ngọc L, huyện V thì gặp Phùng Văn C và Hà Văn Th (đều là con rể của bà Đ đang đi tìm trâu). C và Th giữ trâu lại và báo Công an xã Linh H đưa Ch về xã để giải quyết.

Vật chứng vụ án gồm: 01 con trâu đực, lông màu đen, sừng dài 30cm, chiều cao 1,2m, chiều dài thân 1,7m, vòng bụng 2m, đuôi dài 70cm.

Ngày 22/6/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 con trâu đực lông màu đen, sừng dài 30cm, chiều cao 1,2m, chiều dài thân 1,7m, vòng bụng 2m, đuôi dài 70cm có giá trị là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại nhất trí với kết luận định giá tài sản nêu trên.

Cáo trạng số 28 /KSĐT ngày 25/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Ch về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Ch, phạm tội: Trộm cắp tài sản; về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Ch từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Thời hạn thử thách đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/10/2018) giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn, mức thu nhập trung bình thấp, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã tạm giữ 01 con trâu, sau khi xem xét đến điều kiện cần thiết để chăm sóc vật nuôi nên cơ quan điều tra đã quyết định trả lại ngay cho chủ sở hữu là bà Hoàng Thị Đ; về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Ch đã tự nguyện bồi thường tiền chi phí công đi tìm trâu cho bà Đ là 4.000.000đ. Vì vậy bà Đ không đề nghị xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo

trong vụ án; về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Nguyễn Đức Ch phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Bị cáo Nguyễn Đức Ch trình bày*: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo cũng rất hối hận vì hành vi phạm tội của mình do hoàn cảnh gia đình khó khăn, dẫn đến thiếu suy nghĩ nên nhất thời phạm tội, hiện nay sức khỏe của bị cáo rất yếu, vì sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tự thấy xấu hổ với mọi người xung quanh nên đã tự uống thuốc diệt cỏ để tự tử nhưng được gia đình cứu chữa, động viên bị cáo vượt qua khoảng thời gian không làm chủ được mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để tự giác cải tạo bản thân, bị cáo hứa sẽ tuyệt đối chấp hành sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương trong thời gian thử thách.

- *Ý kiến của người bị hại Hoàng Thị Đ*: Nhất trí với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, vì sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự giác đưa ngay trâu về để trả, đồng thời bị cáo đã bồi thường 4.000.000đ tiền công đi tìm trâu cho gia đình bị hại. Ngoài ra bị hại không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng Hà Văn Th, căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức Ch thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như: Đơn trình báo mất trâu của bị hại, Biên bản xử lý vụ việc; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Đức Ch là người trực tiếp lén lút lấy trộm 01 con trâu đực, lông màu đen, trị giá 25.000.000đ của gia

đình bà Đ, với mục đích đem đi bán để lấy tiền trả nợ cho quỹ tín dụng do gia đình bị cáo vay đến thời hạn thanh toán nhưng chưa có tiền trả, đang trong quá trình mang trâu đi bán thì vợ bị cáo biết đã động viên bị cáo mang trâu về trả ngay cho gia đình bà Đ, trên đường bị cáo mang trâu về trả thì các con rể của bà Đ phát hiện đưa về Công an xã giải quyết.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a,....

đ....

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản; căn cứ vào giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Ch về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố ý lén lút lấy trộm trâu của bị hại đem đi bán lấy tiền để trả nợ, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự an toàn xã hội nơi bị cáo gây án, do đó cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự và buộc bị cáo phải chịu một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đang diễn ra phức tạp trong tình hình hiện nay.

Xét về nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân và tính chất, mức độ của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử, xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do bột phát, khi nghĩ tới việc phải trả nợ tiền cho quỹ tín dụng nhưng gia đình bị cáo đang rất khó khăn không có tiền để trả nợ nên bị cáo đã nảy sinh việc trộm cắp trâu của nhà bà Đ là người hàng xóm cạnh nhà bị cáo đem đi bán, khi vợ bị cáo biết đã động viên bị cáo đưa trâu về trả cho bị hại ngay, nên hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây thiệt hại cho gia đình bị hại, đồng thời bị cáo đã tự nguyện bồi thường 4.000.000đ tiền công đi tìm trâu cho gia đình bị hại. Bị cáo là người dân lao động, trình độ học vấn thấp sinh sống ở vùng sâu, vùng xa nơi có điều kiện kinh tế khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo cũng tự thấy xấu hổ với những người hàng xóm về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo đã tự uống thuốc

diệt cỏ để tự tử nhưng được gia đình phát hiện đưa đi bệnh viện cứu chữa nhưng đến nay sức khỏe của bị cáo vẫn còn ảnh hưởng đến trí nhớ, tại phiên tòa bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b,h,i,s Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là đủ để bị cáo thấy được sai phạm và tự cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét thấy gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn, mức thu nhập trung bình thấp, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường 4.000.000đ tiền công đi tìm trâu cho gia đình bị hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng: Khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện Công an xã Linh H đã tạm giữ 01 con trâu đực lông màu đen, sau khi xem xét đến điều kiện cần thiết để chăm sóc vật nuôi nên cơ quan điều tra đã quyết định trả lại ngay cho gia đình bà Hoàng Thị Đ là phù hợp với điều kiện thực tế, đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Ch, phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Ch 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/10/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Đức Ch cho Ủy ban nhân dân xã Linh Hồ, huyện V, tỉnh H theo dõi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Đức Ch cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đức Ch phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện V;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Công an huyện V;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã Linh H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T.M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hiền

